

Số: 3084 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc gia hạn và phê duyệt Kế hoạch thực hiện Dự án “Tăng cường năng lực thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam” giai đoạn từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 6 năm 2019**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 477/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Văn kiện Dự án “Tăng cường năng lực thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam”; được điều chỉnh tại Quyết định số 1880/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ công thư ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Chương trình Môi trường của Liên Hợp quốc (UNEP);

Xét đề nghị của Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu tại văn bản số 1648/KTTVBĐKH-KHCNHTQT ngày 12 tháng 12 năm 2016 về việc gia hạn thời gian thực hiện Dự án “Tăng cường năng lực thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh khoản 1, Điều 1, Quyết định số 1880/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 7 năm 2015 như sau:

Thời gian thực hiện: 2014-2030.

Các nội dung của Dự án không điều chỉnh tại Quyết định này thực hiện theo các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường số: 477/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 3 năm 2014 về việc phê duyệt Văn kiện Dự án “Tăng cường năng lực thực hiện Nghị định thư Montreal ở Việt Nam”; 1880/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 7 năm 2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 477/QĐ-BTNMT ngày 25 tháng 3 năm 2014.



**Điều 2.** Phê duyệt kế hoạch và kinh phí thực hiện Dự án giai đoạn từ tháng 7 năm 2017 – tháng 6 năm 2019 như sau:

- Vốn viện trợ không hoàn lại: 152.289 USD (tương đương 3.369.241.836 đồng, chuyển đổi theo tỷ giá trung tâm: 1 USD = 22.124 VNĐ), trong đó:

+ Kế hoạch năm 2017: 38.073 USD (tương đương 842.327.052 đồng).

+ Kế hoạch năm 2018: 76.143 USD (tương đương 1.684.587.732 đồng).

+ Kế hoạch năm 2019: 38.073 USD (tương đương 842.327.052 đồng).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo).


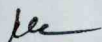
- Vốn đối ứng của phía Việt Nam: 684.792.000 đồng (tương đương 30.952 USD) bằng hiện vật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Hợp tác quốc tế; Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Các Bộ: KH&ĐT, TC;
- Lưu: VT, Vụ KH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Tuấn Nhân**

**PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ PHÂN BỐ KINH PHÍ DỰ ÁN  
“TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH THƯ MONTREAL Ở  
VIỆT NAM” GIAI ĐOẠN THÁNG 7/2017-THÁNG 6/2019**

*(Kèm theo Quyết định số 3084/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**I. NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

STT	Các hoạt động Dự án	2017		2018				2019	
		Q3	Q4	Q1	Q2	Q3	Q4	Q1	Q2
1	<b>Thực hiện kiểm soát và giám sát tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS)</b>								
	- Giới thiệu hệ thống cấp phép và hạn ngạch cho các chất HCFC	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Thi hành các biện pháp kiểm soát, duy trì quá trình loại trừ dần HCFC	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Giám sát các hoạt động thương mại ODS bất hợp pháp	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Phê chuẩn sửa đổi Nghị định thư Montreal								X
2	<b>Thu thập số liệu và báo cáo số liệu tiêu thụ ODS</b>								
	- Giám sát hải quan nhập khẩu và xuất khẩu các chất ODS (thu thập hồ sơ hải quan và tờ khai hải quan của các lô hàng nhập khẩu ODS);	X		X	X	X		X	X
	- Báo cáo số liệu tiêu thụ cho Ban Thư ký Ô-dôn theo yêu cầu báo cáo nêu trong Điều 7 của Nghị định thư trước ngày 30 tháng 9 (nếu có thể trước ngày 30 tháng 6) mỗi năm đối với các số liệu năm trước;	X		X	X			X	X
	- Báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình Quốc gia cho Ban Thư ký Quỹ Đa phương trước ngày 01 tháng 5 hàng năm đối với các số liệu năm trước theo Quyết định 13/193 của Ban Chấp hành, khuyến khích sử dụng hệ thống trực tuyến của Ban Thư ký Quỹ Đa phương;	X			X				X
3	<b>Phối hợp với các cơ quan liên quan</b>								
	- Phối hợp với các hiệp hội ngành công nghiệp nâng cao nhận thức về loại trừ các chất HCFC và sự tham gia của Hiệp hội trong các hoạt động loại trừ các chất HCFC	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Phối hợp với các hiệp hội ngành công nghiệp nâng cao nhận thức về loại trừ các chất HFC và sự tham gia của Hiệp hội trong các hoạt động loại trừ các chất HFC	X	X	X	X	X	X	X	X
4	<b>Giám sát việc thực hiện các hoạt động loại trừ và giảm tiêu thụ các chất ODS</b>								
	- Phối hợp với Ngân hàng Thế giới thực hiện Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC, giai đoạn II	X	X	X	X	X	X	X	X

*ke*

	- Phối hợp với UNIDO thực hiện dự án “Giới thiệu thực hành tốt nhất trong lĩnh vực làm lạnh sử dụng môi chất lạnh tự nhiên trong dây chuyền làm lạnh công nghiệp thực phẩm”			X	X	X	X	X	X
	- Phối hợp với các bên liên quan điều tra khảo sát HFC và các chất thay thế ODS	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>5</b>	<b>Nâng cao nhận thức cộng đồng</b>								
	- Tổ chức các hoạt động như truyền hình, phát thanh, và sản xuất các chương trình nâng cao nhận thức khác vv...	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Phát hành ấn phẩm, thông tin.....	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Tổ chức các lớp tập huấn, huấn luyện và hội nghị, hội thảo nâng cao nhận thức và tuyên truyền về bảo vệ tầng ô-dôn	X	X	X	X	X	X	X	X
	- Tổ chức kỷ niệm Ngày quốc tế bảo vệ tầng ô-dôn 16/9 hàng năm	X				X			
<b>6</b>	<b>Tham gia các cuộc họp trong khu vực và cuộc họp của các Bên tham gia Nghị định thư Montreal</b>	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>7</b>	<b>Tận dụng các khả năng để cập nhật và sử dụng hệ thống trực tuyến thông báo trước các chuyến hàng nhập khẩu ODS (iPIC)</b>	X	X	X	X	X	X	X	X

## II. KINH PHÍ DỰ ÁN GIAI ĐOẠN THÁNG 7/2017-THÁNG 6/2019

1. Vốn ODA: 152.289 USD (tương đương 3.369.241.836 đồng, chuyển đổi theo tỷ giá trung tâm: 1 USD = 22.124 VNĐ).

2. Nguồn và vốn đối ứng (đồng Việt Nam và quy đổi ra đô la Mỹ): 684.792.000 đồng (tương đương 30.952 USD) bằng hiện vật

## III. PHÂN BỐ KINH PHÍ

Danh mục chi	Kinh phí Dự án giai đoạn tháng 7/2017- tháng 6/2019	Phân bổ kinh phí		
		Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
<b>1. Nhân sự của Dự án</b>	89.200	22.300	44.600	22.300
<b>2. Trang thiết bị vật tư văn phòng</b>	2.000	500	1.000	500
<b>3. Chi phí hoạt động</b>	22.449	5.613	11.223	5.613
- Vật tư văn phòng				
- Công tác phí				
- Chi khác (thông tin liên lạc, bảo trì, bảo hành thiết bị máy văn phòng)				
<b>4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức (hội nghị, hội thảo, seminar, các cuộc họp, huấn luyện, đào tạo, tư vấn....)</b>	38.640	9.660	19.320	9.660
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>152.289</b>	<b>38.073</b>	<b>76.143</b>	<b>38.073</b>

*ka*